

CHÍNH PHỦ
Số: 35/2007/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 8 tháng 3 năm 2007

NGHỊ ĐỊNH

Về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 12 tháng 12 năm 1997; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 17 tháng 06 năm 2003;

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng ngày 12 tháng 12 năm 1997; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng ngày 15 tháng 06 năm 2004;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Kế toán ngày 17 tháng 06 năm 2003;

Xét đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân lựa chọn sử dụng hoặc cung cấp dịch vụ giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng.

Điều 3. Nguyên tắc giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng

1. Việc giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng phải phù hợp với quy định của Luật Giao dịch điện tử, Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Nghị định này chỉ quy định về phương thức giao dịch bằng phương tiện điện tử trong hoạt động ngân hàng, nội dung của các hoạt động ngân hàng do các luật khác điều chỉnh.
3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân được quyền lựa chọn giao dịch bằng phương tiện điện tử hoặc giao dịch theo phương thức truyền thống, trừ trường hợp có quy định khác của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
4. Việc cung cấp dịch vụ công của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) dưới hình thức điện tử được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước nhưng không được trái với quy định của Luật Giao dịch điện tử, Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Chương II

GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ TRONG HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

Điều 4. Hoạt động ngân hàng giao dịch bằng phương tiện điện tử

Hoạt động ngân hàng giao dịch bằng phương tiện điện tử là các hoạt động được quy định tại Chương III Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và tại Chương III Luật các Tổ chức tín dụng; không áp dụng trong việc phát hành hối phiếu và các giấy tờ có giá khác.

Điều 5. Điều kiện cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Được cung cấp dịch vụ ngân hàng theo quy định của pháp luật;
- b) Có địa điểm, mạng truyền thông, thiết bị truyền thông, các phương tiện điện tử bảo đảm tính toàn vẹn và an toàn thông tin, đáp ứng yêu cầu khai thác, kiểm soát, xử lý, sử dụng, bảo quản và lưu trữ chứng từ điện tử;
- c) Có đội ngũ cán bộ đủ trình độ, khả năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật công nghệ, nghiệp vụ ngân hàng.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a) Cam kết thực hiện các quy trình về giao dịch điện tử do tổ chức cung cấp dịch vụ giao dịch điện tử quy định;
- b) Có chữ ký điện tử theo quy định của pháp luật;
- c) Xác lập phương thức gửi, nhận chứng từ điện tử với tổ chức cung cấp dịch vụ giao dịch điện tử.

Điều 6. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử trong hoạt động ngân hàng

Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử trong hoạt động ngân hàng thực hiện theo quy định của Luật Giao dịch điện tử và các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký điện tử và dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử.

Điều 7. Sử dụng chữ ký điện tử trong hoạt động ngân hàng

- 1. Chữ ký điện tử trong hoạt động ngân hàng bao gồm chữ ký số và các loại chữ ký điện tử khác theo quy định của pháp luật.
- 2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền thoả thuận, lựa chọn sử dụng loại chữ ký điện tử, trừ trường hợp Thống đốc Ngân hàng Nhà nước có quy định về việc sử dụng chữ ký điện tử trong những hoạt động ngân hàng cụ thể.

Chương III

CHỨNG TỪ ĐIỆN TỬ TRONG HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

Điều 8. Nội dung của chứng từ điện tử

- 1. Các nội dung chủ yếu của chứng từ điện tử trong hoạt động ngân hàng:
 - a) Tên và số hiệu của chứng từ;
 - b) Ngày, tháng, năm lập chứng từ;
 - c) Tên, địa chỉ của tổ chức hoặc cá nhân lập chứng từ;
 - d) Tên, địa chỉ của tổ chức hoặc cá nhân nhận chứng từ;
 - đ) Nội dung của nghiệp vụ phát sinh;

e) Chữ ký, họ và tên của người lập và những người có liên quan đến chứng từ theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung của chứng từ điện tử trong nghiệp vụ kế toán ngoài các nội dung được quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng quy định tại Điều 17 Luật Kế toán.

3. Ngoài các nội dung được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, chứng từ điện tử có thể thêm những nội dung khác theo từng loại nghiệp vụ.

Điều 9. Các quy định về định dạng chứng từ điện tử

Định dạng của chứng từ điện tử phải đáp ứng:

1. Phân biệt, nhận biết và truy cập được đến từng chứng từ điện tử.
2. Xác định chi tiết vị trí, đặc điểm, kiểu, độ dài và các ràng buộc nghiệp vụ đối với từng yếu tố trên chứng từ điện tử.
3. Bảo đảm việc truyền, nhận, xử lý, bảo quản, lưu trữ chứng từ một cách tự động trên các phương tiện điện tử.

Điều 10. Nguyên tắc lập, kiểm soát chứng từ điện tử

1. Lập đúng quy trình, mẫu định dạng và đầy đủ các thông tin quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này.
2. Người lập, người kiểm soát, người ký duyệt và những người khác ký trên chứng từ điện tử phải chịu trách nhiệm về các nội dung của chứng từ điện tử.
3. Phải ghi đầy đủ nội dung chứng từ điện tử được quy định tại Điều 8 Nghị định này.

Điều 11. Lập, kiểm soát và ký chứng từ điện tử

1. Chứng từ điện tử được lập từ chứng từ giấy phải được kiểm tra sự khớp đúng giữa nội dung trên chứng từ điện tử với chứng từ giấy.
2. Chứng từ điện tử được lập từ chứng từ điện tử khác phải đảm bảo sự khớp đúng với nội dung chứng từ điện tử gốc.
3. Trường hợp chứng từ điện tử được lập, kiểm soát qua nhiều bước phải kiểm tra:
 - a) Nội dung của chứng từ điện tử tại từng bước;
 - b) Chữ ký điện tử của người lập và người kiểm soát tại bước trước.
4. Người lập, người kiểm soát, người ký duyệt và những người khác có trách nhiệm ký trên chứng từ điện tử phải ký chữ ký điện tử lên chứng từ điện tử sau khi hoàn

thành phần việc được giao.

Điều 12. Chứng từ điện tử hợp pháp, hợp lệ

Chứng từ điện tử được coi là hợp pháp, hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Tuân thủ các quy định tại các Điều 8, 9, 10, 11 Nghị định này.
2. Bảo đảm tính toàn vẹn của thông tin trên chứng từ.
3. Bảo đảm tính pháp lý thông qua kiểm chứng nguồn gốc khởi tạo.

Điều 13. Mã hoá chứng từ điện tử

Việc mã hóa chứng từ điện tử được thực hiện theo quy định của pháp luật về mật mã.

Điều 14. Thời điểm hiệu lực của chứng từ điện tử

Thời điểm hiệu lực của chứng từ điện tử được tính từ khi chứng từ điện tử đáp ứng các yêu cầu tại Điều 12 Nghị định này.

Điều 15. Hủy chứng từ điện tử

1. Chứng từ điện tử đang trong thời gian hiệu lực bị huỷ phải được ghi ký hiệu riêng thể hiện chứng từ điện tử đó đã bị huỷ; nguyên nhân, lý do huỷ và phải được lưu trữ riêng bằng phương tiện điện tử để theo dõi.
2. Việc hủy chứng từ điện tử đang trong thời gian hiệu lực được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Chuyển đổi chứng từ điện tử thành chứng từ giấy

1. Chỉ các chứng từ điện tử đáp ứng điều kiện tại Điều 12 Nghị định này mới được chuyển đổi thành chứng từ giấy.
2. Việc chuyển đổi chứng từ điện tử thành chứng từ giấy phải bảo đảm sự khớp đúng giữa nội dung của chứng từ điện tử và chứng từ giấy sau khi chuyển đổi.
3. Người thực hiện chuyển đổi chứng từ điện tử thành chứng từ giấy phải ký và ghi rõ họ tên trên chứng từ giấy; phải đóng thêm dấu đối với những loại chứng từ có quy định phải đóng dấu.
4. Chứng từ điện tử đã thực hiện chuyển đổi được ghi thêm ký hiệu riêng để phân biệt.

Điều 17. Gửi, nhận lại chứng từ điện tử